TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N

Bản án số 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03/01/2023
Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị K

Bà Hoàng Thị Kim P

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức T, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh N - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp: "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Hà Thị Thu G, sinh năm 1992:

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà 26, ngách 3/207 đường H, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh N.

- **Bị đơn**: anh Phạm Thanh H, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà 26, ngách 3/207 đường H, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh N.

Người làm chứng: Bà Lê Thị S, sinh năm 1955.

Trú tại: Số nhà 26, ngách 3/207 đường H, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh N. (Vắng, có đơn xin vắng mặt).

Tại phiên tòa: có mặt chị G, vắng mặt anh H mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Hà Thị Thu G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Thanh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N ngày 25/9/2017. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ anh H tại xã K, huyện Y, tỉnh N. Được khoảng 4 tháng thì vợ chồng ra ngoài thuê trọ ở phố Thiện Tiến, phường Ninh Sơn, được một thời gian lại thuê nhà ở phố Trung Thành, phường N, thành phố N. Đến đầu năm 2022 vợ chồng chuyển về ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ chị G là ông Hà Mạnh M và bà Lê Thị S tại số nhà 26, ngách 3/207 đường Hải Thượng Lãn Ông, phố Bắc Thành, phường Nam Thành, thành phố N, tỉnh N và ở từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống từ khi kết hôn vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi nhau do kinh tế khó khăn. Anh H không chịu tu chí làm ăn và thường hay tụ tập uống rượu. Chị có nhắc nhở khuyên bảo thì anh H lại chửi và gây sự với chị. Thời gian chị mang thai và sinh con thì anh H cũng không quan tâm đến chị để chị phải tự lo cho cuộc sống gia đình. Đến khi anh H về sống cùng nhà với bố mẹ đẻ chị thì cũng không thay đổi cách sống, vẫn không chịu làm ăn mà vẫn kiếm cớ gây sự, chửi bới, xúc phạm với chị dẫn đến cuộc sống của chị cảm thấy bế tắc. Đến nay chị xác định tình cảm của chị với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Đức A sinh ngày 13/8/2018 và cháu Phạm Hà Khánh V sinh ngày 16/11/2021. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 2 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có nghề nghiệp, còn anh H có gì cho con như nào thì là tùy anh H. Hiện tại nghề nghiệp của chị là công nhân có thu nhập từ 8 triệu đến 10 triệu đồng một tháng. Tại phiên tòa chị đề nghị về phần cấp dưỡng nuôi con chị và anh H tự giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh H tự giải quyết.

Bị đơn anh Pham Thanh H: Đã được Tòa án triệu tập, đã nhận thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, nhưng không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: chị G đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng.Tại phiên tòa, anh H vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 /UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Thu G, xử cho chị G được ly hôn anh Phạm Thanh H. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Thu G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Đức A sinh ngày 13/8/2018 và cháu Phạm Hà Khánh V sinh ngày 16/11/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị G và anh H tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Chị G phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị Thu G kết hôn với anh Phạm Thanh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Thành ngày 25/9/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị ở nhà bố mẹ anh H ở tại xã K, huyện Y, tỉnh N được khoảng 4 tháng rồi ra ngoài thuê nhà để ở. Đến đầu năm 2022 thì vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ chị G là gia đình ông Hà Mạnh M và bà Lê Thị S tại số nhà 26, ngách 3/27 đường H, phố B, phường Nam N, thành phố N, tỉnh N để ở nhờ và ở từ đó cho đến nay. Trong quá trình chúng sống, vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi nhau do bất đồng quan điểm cách sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình do anh H không chịu làm ăn, thường hay uống rượu để mình chị G phải tự lo cho bản thân và gia đình. Chị G có nhắc nhở anh H thì anh H lại kiếm cớ chửi bới chị và gây sự, xúc phạm chị dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Bố mẹ chị G là người chung sống cùng nhà với vợ chồng anh chị đã nhiều lần chứng kiến mâu thuẫn giữa hai người, khuyên bảo vợ chồng, khuyên bảo anh H thay đổi cách sống nhưng anh H không thay đổi, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng không cải thiện được tình cảm (*Lời khai bà Lê Thị S ngày 18/10/2022, Biên bản xác minh tại Chính quyền địa phương ngày 14/11/2022*). Chị G cảm thấy cuộc sống bế tắc, tình cảm của chị đối với anh H không còn nên đã làm đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh H không đến làm việc, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G mặc dù đã nhận giấy triệu tập của Tòa án, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và các văn bản tố tụng khác. Điều đó cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ gia đình và bản thân không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn và cải thiện tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị G kiên quyết xin ly hôn. Từ các phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng

giữa chị G, anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Thu G, xử cho chị G được ly hôn anh Phạm Thanh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung:* Chị G và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Đức A sinh ngày 13/8/2018 và cháu Phạm Hà Khánh V sinh ngày 16/11/2021 hiện nay các cháu đang ở với chị G. Xét thấy các cháu còn nhỏ, nguyện vọng của chị G là muốn được trực tiếp chăm sóc hai cháu. Anh H không có ý kiến gì về việc giải quyết nuôi con. Bản thân chị G có nghề nghiệp, có thu nhập. Anh H không có nghề nghiệp. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là cháu Phạm Đức A sinh ngày 13/8/2018 và cháu Phạm Hà Khánh V sinh ngày 16/11/2021 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị G xin tự giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử để cho chị G và anh H tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền xin thay đổi nuôi con và giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[3]*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Thu G. Xử cho chị Hà Thị Thu G được ly hôn anh Phạm Thanh H. Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Đức A sinh ngày 13/8/2018 và cháu Phạm Hà Khánh V sinh ngày 16/11/2021cho chị Hà Thị Thu G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị G và anh H tự giải quyết. Khi

cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi nuôi con và giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Thu G phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000913 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Án xử công khai sơ thẩm, chị G có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh N
- VKSND TP N
- Chi cục thi hành án Ds TP N
- UBND phường.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T